

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH GIA LAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 89/2018/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành quy định một số chế độ,
chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của
Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc áp dụng trực tiếp định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật tại Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc Quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 119/TTr-HĐND ngày 27/6/2018 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng: Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Các khoản chi khác để đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, Thường trực Hội đồng nhân dân căn cứ tổng nguồn ngân sách phân bổ cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình địa phương giao Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp ban hành quy định cụ thể.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 79/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa X - Kỳ họp thứ Năm, nhiệm kỳ 2011-2016 quy định một số khoản chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Kỳ họp thứ Sáu thông qua vào ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. /

Nơi nhận :

- Ủy ban TVQH;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh; đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- LĐ và Cv phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT-TH.



Dương Văn Trang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm
hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 89/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
I	KHOẢN KINH PHÍ					
1	Khoản kinh phí hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân: Kinh phí cấp theo số lượng đại biểu mỗi tổ	Đồng/đại biểu/năm	2.000.000	1.500.000	Riêng cấp xã không có tổ đại biểu HĐND nên không có mức chi.	
2	Chi hỗ trợ hoạt động của đại biểu tiếp xúc cử tri đối với đại biểu HĐND các cấp	Đồng/đại biểu/năm	4.500.000	2.800.000	1.700.000	
II	CHI PHỤC VỤ KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN					
1	Chi cho kỳ họp Hội đồng nhân dân					
1.1	Chi bồi dưỡng cho đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự kỳ họp	Đồng/người/ngày	230.000	170.000	120.000	
1.2	Chi bồi dưỡng cho đại biểu khách mời tham dự kỳ họp	Đồng/người/ngày	170.000	120.000	80.000	
1.3	Chi bồi dưỡng cho công chức các sở, ban, ngành, cấp huyện, cấp xã	Đồng/người/ngày	120.000	80.000	60.000	
1.4	Chi bồi dưỡng cho công chức phục vụ gián tiếp (lái xe và các nhân viên phục vụ khác)	Đồng/người/ngày	80.000	60.000	40.000	
1.5	Chi bồi dưỡng Chủ tọa kỳ họp	Đồng/người/ngày	460.000	350.000	230.000	



1.6	Chi bồi dưỡng Thư ký các kỳ họp	Đồng/người/ngày	230.000	170.000	120.000	
1.7	Chi tổ chức họp báo kỳ họp					
a	Chi bồi dưỡng Chủ trì	Đồng/người/buổi	170.000	120.000	80.000	
b	Chi bồi dưỡng đại biểu tham dự, khách mời (có giấy mời) tham dự	Đồng/người/buổi	120.000	80.000	60.000	
c	Chi bồi dưỡng công chức các sở, ban, ngành, cấp huyện, cấp xã	Đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000	
d	Chi bồi dưỡng cho phóng viên báo, đài, công chức phục vụ gián tiếp (nhân viên lái xe và các nhân viên phục vụ khác)	Đồng/người/buổi	80.000	60.000	40.000	
2	Chi soạn thảo báo cáo, văn bản phục vụ kỳ họp					
2.1	Chi xây dựng bài phát biểu khai mạc, bế mạc, dự kiến chương trình kỳ họp, gợi ý thảo luận, thông báo kết quả kỳ họp	Đồng/bộ văn bản	800.000	570.000	340.000	
2.2	Chi xây dựng báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân	Đồng/báo cáo	800.000	570.000	350.000	
2.3	Chi xây dựng biên bản kỳ họp	Đồng/bộ biên bản	690.000	460.000	230.000	
2.4	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả thảo luận Tổ tại kỳ họp	Đồng/bộ báo cáo	570.000	340.000	230.000	
2.5	Chi rà soát, tổng hợp ý kiến, chỉnh sửa, hoàn thiện các văn bản tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, khoản 2 của Mục II	Đồng/bộ văn bản	230.000	110.000	60.000	
2.6	Chi xây dựng nghị quyết cá biệt, văn bản cho ý kiến những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp		Mức chi bằng mức chi xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc áp dụng trực tiếp định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật tại Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của			



			Bộ Trưởng Bộ Tài chính			
2.7	Chi bồi dưỡng tổ kiểm phiếu phục vụ công tác bầu cử tại kỳ họp, lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm,...	Đồng/người/kỳ họp	500.000	300.000	200.000	
2.8	Chi thanh toán cho truyền hình trực tiếp, truyền thanh trực tiếp kỳ họp Hội đồng nhân dân của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện theo hợp đồng thực tế	Đồng/kỳ họp	Thanh toán theo chứng từ, hợp đồng hóa đơn thực tế và được Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng không quá 15.000.000			
III	Chi cho hội nghị giao ban Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên do Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai đăng cai tổ chức		Do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở dự toán thực tế			
IV	Chi tổ chức các hội nghị, các cuộc họp, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân các cấp và các phiên họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân (kể cả hội nghị giao ban)					
1	Chi bồi dưỡng Chủ trì hội nghị, cuộc họp, phiên họp	Đồng/người/buổi	170.000	120.000	80.000	
2	Chi bồi dưỡng thành viên dự họp và đại biểu khách mời (có giấy mời), công chức các sở, ban, ngành, cấp huyện, cấp xã	Đồng/người/buổi	120.000	80.000	60.000	
3	Chi bồi dưỡng Phóng viên báo, đài phục vụ hội nghị, giao ban, các buổi làm việc; công chức phục vụ gián tiếp (lái xe và các nhân viên phục vụ khác)	Đồng/người/buổi	80.000	60.000	40.000	
4	Chi chế độ soạn thảo các văn bản phục vụ hoạt động của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tại các phiên họp, cuộc họp, hội nghị trong và ngoài tỉnh	Đồng/bộ văn bản	800.000	600.000	350.000	
5	Chi rà soát, tổng hợp ý kiến, chỉnh sửa, hoàn thiện các văn bản tại khoản 4 của mục IV này	Đồng/bộ văn bản	230.000	110.000	60.000	
6	Các khoản chi khác		Do Thường trực HĐND các cấp quyết			

			định trên cơ sở dự toán thực tế.				
V	CHI PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN						
1	Chi hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri để phục vụ cho công tác tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân các cấp	Đồng/địa điểm/lần tiếp xúc cử tri	800.000	460.000	290.000		
2	Chi bồi dưỡng cho công chức các sở, ban, ngành, cấp huyện, cấp xã	Đồng/người/buổi	80.000	60.000	40.000		
3	Chi bồi dưỡng cho phóng viên báo, đài và cán bộ công chức phục vụ gián tiếp (lái xe và nhân viên phục vụ khác)	Đồng/người/buổi	60.000	40.000	30.000		
4	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri	Đồng/bộ báo cáo	570.000	340.000	230.000		
5	Chi rà soát, tổng hợp ý kiến, chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri	Đồng/bộ văn bản	230.000	110.000	60.000		
VI	CHI HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT, KHẢO SÁT						
1	Chi xây dựng, hoàn thiện các văn bản giám sát, khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân						
1.1	Xây dựng kế hoạch giám sát, khảo sát (bao gồm quyết định thành lập đoàn giám sát, khảo sát, kế hoạch, đề cương, thông báo)	Đồng/bộ văn bản/đợt	2.000.000	1.500.000	1.000.000		
1.2	Xây dựng báo cáo kết quả giám sát, khảo sát	Đồng/báo cáo	3.000.000	2.000.000	1.000.000		
2	Chi hoạt động giám sát, khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân						
2.1	Trưởng đoàn (Trưởng hợp vắng Trưởng đoàn thì phó đoàn thay thế)	Đồng/người/buổi	120.000	80.000	60.000		
2.2	Thành viên theo quyết định thành lập Đoàn giám sát, khảo sát	Đồng/người/buổi	80.000	60.000	40.000		
2.3	Thành viên khác và công chức các sở, ban, ngành, cấp huyện, cấp xã	Đồng/người/buổi	60.000	40.000	20.000		



2.4	Chi phòng viên báo, đài, công chức phục vụ gián tiếp (lái xe và các nhân viên khác)	Đồng/người/buổi	40.000	30.000	20.000	
3	Chi giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân		Mức chi bằng 1,3 lần mức chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 của mục này			
4	Chi giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân		Mức chi bằng 1,5 lần mức chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 của mục này			
VII	CHI HOẠT ĐỘNG THAM VẤN NHÂN DÂN					
1	Chi bồi dưỡng chủ trì	Đồng/người/buổi	120.000	80.000	60.000	
2	Chi bồi dưỡng thành viên dự họp, khách mời (có giấy mời) và công chức các sở, ban, ngành, cấp huyện, cấp xã	Đồng/người/buổi	80.000	60.000	40.000	
3	Chi bồi dưỡng công chức phục vụ gián tiếp (nhân viên văn thư, lái xe và các nhân viên phục vụ khác)	Đồng/người/buổi	40.000	30.000	20.000	
4	Chi các bài tham luận của những người có chuyên môn về lĩnh vực tham vấn	Đồng/văn bản	450.000	350.000	250.000	
5	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin điều tra thống kê xã hội học (phiếu lấy ý kiến)		Áp dụng mức chi quy định tại mục 7 của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai			
6	Chi xây dựng đề cương, kế hoạch tham vấn, xây dựng bảng câu hỏi, phiếu điều tra, lấy ý kiến, tổng hợp phiếu điều tra, lấy ý kiến	Đồng/bộ văn bản	690.000	460.000	290.000	
7	Chi xây dựng và chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo kết quả tham vấn	Đồng/bộ văn bản	1.000.000	690.000	400.000	
VIII	CHI CHO HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN, GIẢI TRÌNH					
1	Chi hoạt động chất vấn tại Kỳ họp HĐND					
1.1	Chi cho việc xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân như: các báo cáo; kế hoạch chi	Đồng/bộ văn bản	2.000.000	1.500.000	1.000.000	

	tiết; văn bản điều phối; biên bản tóm tắt nội dung chất vấn, trả lời chất vấn và các văn bản khác liên quan đến hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn					
1.2	Báo cáo tổng hợp ý kiến chất vấn trình kỳ họp Hội đồng nhân dân	Đồng/báo cáo	800.000	600.000	400.000	
1.3	Chi cho việc xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chất vấn	Đồng/ng nghị quyết	1.000.000	700.000	500.000	
2	Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND					
2.1	Chế độ chi bồi dưỡng phục vụ hoạt động chất vấn, giải trình			Áp dụng mức chi như chi tổ chức các hội nghị, các cuộc họp, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân các cấp và các phiên họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân (kể cả hội nghị giao ban) tại mục IV của quy định này		
2.2	Chi cho việc xây dựng kế hoạch chi tiết phiên chất vấn, giải trình	Đồng/văn bản	800.000	600.000	400.000	
2.3	Chi cho việc xây dựng văn bản tổng hợp kết quả chất vấn, giải trình (Nghị quyết, kết luận, thông báo kết luận)	Đồng/văn bản	800.000	600.000	400.000	
IX	CHI CHO CÔNG TÁC XÃ HỘI					
1	Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất đối với đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm					
1.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân khi bị ốm đau được chi tiền thăm hỏi (không quá 02 lần/năm)	Đồng/trường hợp	1.000.000	700.000	400.000	
1.2	Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, hỗ trợ khó khăn đột xuất do thiên tai, hỏa hoạn,... (không quá 02 lần/năm)	Đồng/trường hợp	3.000.000	2.000.000	1.500.000	
1.3	Chi phúng viếng					



-	Đại biểu HDND đương nhiệm từ trần được hỗ trợ	Đồng/trường hợp	2.000.000	1.500.000	1.000.000	
-	Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng)	Đồng/trường hợp	2.000.000	1.500.000	1.000.000	
2	Đối với các vị nguyên là Thường trực, Trưởng, Phó Ban Hội đồng nhân dân, Chánh, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, xã					
2.1	Khi bị ốm đau được chi tiền thăm hỏi (không quá 02 lần/năm)	Đồng/trường hợp	500.000	300.000	200.000	
2.2	Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, hỗ trợ khó khăn đột xuất do thiên tai, hỏa hoạn,...(không quá 02 lần/năm)	Đồng/trường hợp	1.000.000	700.000	400.000	
2.3	Chi phúng viếng	Đồng/trường hợp	2.000.000	1.500.000	1.000.000	
3	Hoa viếng, trái cây		Thanh toán theo chứng từ, hóa đơn thực tế			
4	Một số trường hợp khác		Do Thường trực HDND các cấp quyết định			
X	MỘT SỐ KHOẢN CHI KHÁC					
1	Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tiền may 02 bộ lễ phục	Đồng/bộ	5.000.000			
2	Trong nhiệm kỳ, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp một máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng (áp dụng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, riêng cấp huyện, cấp xã tùy tình hình ngân sách do HDND cùng cấp quyết định)	01 máy/người/ Nhiệm kỳ	Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành			
3	Đại biểu Hội đồng nhân dân được khoán cấp tài liệu (phi khai thác internet, sách, báo)	Đồng/người/ tháng	500.000	350.000	200.000	
4	Chế độ chi đối với chuyên gia để phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân các cấp. Tùy theo nội dung, tính cấp thiết của chuyên đề, đại diện	Đồng/bài	3.000.000			


7

	Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân ký hợp đồng với chuyên gia với mức chi tối đa				
5	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân liên quan đối với các văn bản có nội dung phức tạp (tổng mức chi xin ý kiến một cá nhân tối đa là 1.000.000 đồng/văn bản)	Đồng/người/lần	300.000	200.000	100.000
6	- Chi xây dựng số ảnh (kỷ yếu) nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân. - Tặng quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ hoặc không làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình do chuyển công tác khác hoặc nghỉ hưu		Do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định		
7	Chi thăm hỏi, tặng quà đối với các đối tượng chính sách - xã hội: Chế độ thăm, tặng quà được thực hiện đối với các đối tượng sau: Các đối tượng chính sách được quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, học tập, trong lao động sản xuất, có đóng góp đối với hoạt động HEND; gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai,...; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang ở biên giới, hải đảo,... khi đoàn tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà				
7.1	Đối với Tập thể: Mức chi tối đa	Đồng/tập thể	3.000.000	2.000.000	1.500.000
7.2	Đối với cá nhân: Mức chi tối đa	Đồng/người	2.000.000	1.500.000	1.000.000
7.3	Trường hợp đặc biệt vượt mức chi tại khoản 7.1 và 7.2 của quy định này		Do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định		



8	Chế độ khám, chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng hàng năm				
8.1	Ngoài các chế độ theo quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng hàng năm như sau	Đồng/người/năm	3.000.000	2.000.000	1.000.000
8.2	Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ		Hỗ trợ bằng 50% mức quy định tại mục này		
9	Chi trao đổi, học tập kinh nghiệm, họp, tập huấn của đại biểu Hội đồng nhân dân trong và ngoài nước và các đoàn được Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định hoặc cho phép		Theo kế hoạch, đề án cụ thể được Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp phê duyệt (Theo chế độ công tác phí hiện hành)		
9.1	Chi tặng phẩm cho các đoàn khách đến trao đổi, học tập kinh nghiệm với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Gia Lai và cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân các tỉnh khi Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Gia Lai đến trao đổi, học tập kinh nghiệm	Đồng/đoàn khách	3.000.000	2.000.000	1.000.000
9.2	Các khoản chi khác		Do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định		
10	Kinh phí hàng năm chi cho các hoạt động văn hóa, thể thao, các hoạt động nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn: Các năm được trích 0,2% trên tổng số kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân. Riêng các năm có nhiều sự kiện quan trọng, có nhiều ngày lễ do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định				

11	Trang phục cho công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh phục vụ tại các kỳ họp	Đồng/Người/ nhiệm kỳ	3.000.000	
12	Ngoài các khoản chi đã quy định trên, các khoản chi khác phát sinh thực tế giao Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Ban Hội đồng nhân dân quyết định./.			

CHỦ TỊCH



Dương Văn Trang